

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3439** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **16** tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

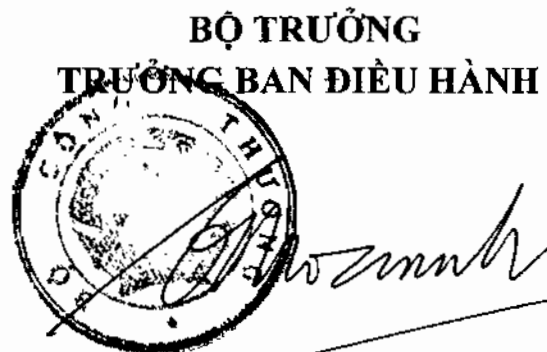
Điều 1. Ban hành theo Quyết định này Quy chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các thành viên Ban Điều hành Đề án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KHCN, Tổ giúp việc.



Vũ Huy Hoàng

QUY CHẾ

**Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện
các đề tài, dự án thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học
trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3439/QĐ-BCT** ngày **16** tháng 6 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trình tự tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án) sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (sau đây gọi tắt là Đề án).

2. Quy chế này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân tham gia các đề tài, dự án thuộc phạm vi Đề án.

Điều 2. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án

1. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện các đề tài theo đặt hàng của Đề án thông qua việc xem xét, đánh giá các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này.

2. Tuyển chọn được áp dụng cho đề tài có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

Điều 3. Xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án

Xét chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện các đề tài, dự án theo đặt hàng của Đề án thông qua việc xem xét, đánh giá Hồ sơ do tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện cần thiết được giao trực tiếp chuẩn bị, trên cơ sở những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này đối với các loại đề tài, dự án sau:

1. Nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng.
2. Một số đề tài, dự án cấp bách.

3. Đề tài, dự án mà nội dung chỉ có một tổ chức KH-CN hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện đề tài, dự án đó.

4. Dự án SXTN.

Điều 4. Nguyên tắc tuyển chọn

1. Việc tuyển chọn phải được công bố công khai trên trang Web của Bộ Công Thương, Báo Công Thương để mọi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định có thể đăng ký tham gia.

2. Việc xét chọn được thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân dự kiến giao trực tiếp chủ trì thực hiện các đề tài, dự án thuộc Đề án.

3. Việc tuyển chọn và xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn do Bộ trưởng- Trưởng Ban Điều hành quyết định thành lập.

4. Việc đánh giá Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể cho đề tài, dự án quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Quy chế này.

5. Mỗi đề tài, dự án đưa ra tuyển chọn, xét chọn chỉ có nhiều nhất 01 hồ sơ được đề nghị trúng tuyển.

6. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện các đề tài, dự án thuộc Đề án giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả đề tài, dự án.

Điều 5. Điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài, dự án có quyền tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài, dự án .

2. Cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm đề tài, dự án phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có chuyên môn đào tạo phù hợp, trình độ đại học trở lên và đang hoạt động trong cùng chuyên ngành khoa học với đề tài, dự án trong 5 năm gần đây, tính từ thời điểm nộp hồ sơ.

b) Là người đề xuất ý tưởng chính và chủ trì tổ chức xây dựng Thuyết minh đề tài, dự án .

c) Bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của đề tài, dự án.

3. Cá nhân không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì đề tài, dự án nếu đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ:

a) Đang chủ trì từ một (01) đề tài, dự án thuộc Đề án trở lên hoặc (kể cả trường hợp đã có Biên bản đánh giá nghiệm thu cấp Bộ nhưng ở mức “Không đạt”);

b) Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo Hợp đồng thực hiện các dự án SXTN bao gồm dự án SXTN thuộc các Chương trình; dự án SXTN độc lập; các nhiệm vụ thuộc các dự án khoa học và công nghệ cấp Nhà nước và cấp Bộ.

4. Cá nhân chủ trì các nhiệm vụ cấp Bộ không được tham gia tuyển chọn, xét chọn chủ trì các đề tài, dự án trong thời gian hạn định trong các trường hợp sau:

a) Kết quả thực hiện đề tài, dự án được đánh giá nghiệm thu cấp Bộ ở mức “Không đạt” và không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả; hoặc đề tài, dự án bị cơ quan quản lý có thẩm quyền quyết định đình chỉ trong quá trình thực hiện do sai phạm thì không được tham gia tuyển chọn, xét chọn trong một (01) năm, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, hoặc từ thời điểm có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thực hiện nhiệm vụ;

b) Vi phạm quy định hiện hành về đánh giá nghiệm thu Đề tài KH&CN cấp Bộ trong việc nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở chậm so với thời hạn kết thúc Hợp đồng nghiên cứu từ sáu (06) tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Ban Điều hành và Vụ Khoa học và Công nghệ, sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét chọn trong thời gian tương ứng như sau:

- Một (01) năm, tính từ thời điểm nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ sáu (06) tháng đến dưới 12 tháng;

- Hai (02) năm, tính từ thời điểm nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ 12 tháng trở lên.

5. Xác nhận điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn:

a) Tổ chức chủ trì mở Hồ sơ thực hiện việc xác nhận các điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này khi mở Hồ sơ;

b) Ban Điều hành và các Vụ chức năng thuộc Bộ Công Thương theo phạm vi quản lý các đề tài, dự án của mình thực hiện việc xác nhận điều kiện tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này trước khi mở Hồ sơ.

Điều 6. Điều kiện trúng tuyển

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề nghị trúng tuyển chủ trì đề tài, dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 và ý kiến đồng ý của Ban Điều hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Quy định này.

2. Cá nhân đồng thời đăng ký chủ trì từ 02 đề tài, dự án trở lên, nếu các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được đề nghị trúng tuyển theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì chỉ được lựa chọn chủ trì 01 nhiệm vụ.

CHƯƠNG II

THÔNG BÁO VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

Điều 7. Thông báo tuyển chọn, xét chọn

Hàng năm, việc thông báo tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài, dự án thuộc Đề án được Bộ Công Thương thực hiện như sau:

1. Thông báo tóm tắt về việc tuyển chọn Đề tài được thực hiện trên Báo Nhân dân và Báo Sài Gòn giải phóng. Thông báo chi tiết được đăng đầy đủ trên Báo Công Thương, trên trang tin điện tử của Bộ Công Thương (<http://www.moit.gov.vn/>).

2. Thông báo về việc xét chọn Đề tài, Dự án SXTN được thực hiện bằng phương thức gửi văn bản đến các tổ chức được giao trực tiếp chuẩn bị Hồ sơ.

3. Ban Điều hành giao Tổ giúp việc phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN thuộc Đề án.

4. Nội dung thông báo theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

Điều 8. Bộ Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn (sau đây gọi tắt là Hồ sơ) bao gồm: một (01) bộ hồ sơ gốc và 15 bản sao bộ hồ sơ gốc, được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau:

- Tên đề tài hoặc dự án đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn (ghi rõ: tên và mã số đề tài hoặc dự án);

- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp);

- Họ tên của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện (làm chủ nhiệm) đề tài, dự án thuộc Đề án và danh sách những người tham gia thực hiện (chỉ ghi danh sách cá nhân đã có xác nhận tham gia phối hợp);

- Danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

2. Bộ hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn gồm các nội dung sau:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án theo biểu mẫu quy định (Biểu 01-CNSHCB);

- Thuyết minh kế hoạch triển khai đề tài, dự án thuộc Đề án theo biểu mẫu quy định (Biểu 02-CNSHCB);

- Báo cáo tóm tắt kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án theo biểu mẫu quy định (Biểu 03-CNSHCB);

- Văn bản xác nhận của các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án (nếu có) theo biểu mẫu quy định (Biểu 04 - CNSHCB);

- Văn bản pháp lý chứng minh năng lực về nhân lực, trang thiết bị và khả năng tài chính để thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án.

3. Hồ sơ gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp về Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công Thương (sau đây được gọi tắt là Vụ Khoa học và Công nghệ), thời gian đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn từ tháng 4 đến tháng 6 hàng năm.

4. Hồ sơ phải được nộp đúng hạn theo quy định của Ban Điều hành và Vụ Khoa học và Công nghệ, ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu Bưu điện Hà Nội (trường hợp gửi qua Bưu điện) hoặc dấu “đến” của Văn thư Bộ Công Thương.

5. Mỗi văn bản trong Bộ Hồ sơ phải có dấu của tổ chức và chữ ký của cá nhân tương ứng như đã quy định trên từng biểu mẫu.

Điều 9. Rút Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

Trong thời hạn quy định nộp Hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn có quyền rút Hồ sơ đã nộp để thay bằng Hồ sơ mới hoặc bổ sung Hồ sơ đã nộp. Việc thay Hồ sơ mới và bổ sung Hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của Hồ sơ.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

Điều 10. Mở hồ sơ

1. Vụ Khoa học và Công nghệ và Tổ giúp việc chịu trách nhiệm tổng hợp và mở hồ sơ tuyển chọn, xét chọn. Đại diện Ban Điều hành, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn, các cơ quan liên quan và đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được chỉ định xét chọn được mời tham dự.

2. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu của Quy chế này.

- Đối với dự án, ngoài những yêu cầu nêu trên, hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn chỉ được coi là hợp lệ khi có các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học đạt ít nhất 60% tổng kinh phí đầu tư dự kiến cần thiết để triển khai;

- Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá.

3. Quá trình mở hồ sơ được ghi thành biên bản có chữ ký của đại diện Ban Điều hành, Vụ Khoa học và Công nghệ và đóng dấu Bộ Công Thương, chữ ký của đại diện Hội đồng tư vấn tuyển chọn, các cơ quan liên quan và đại diện các tổ chức tham gia tuyển chọn được mời tham dự.

Điều 11. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn

1. Bộ trưởng - Trưởng Ban Điều hành thành lập các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn (sau đây gọi tắt là Hội đồng) trên cơ sở đề xuất của Vụ Khoa học và Công nghệ và Tổ giúp việc bao gồm các chuyên gia trong lĩnh vực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến để đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án. Mỗi Hội đồng chỉ thực hiện tư vấn cho 01 đề tài, dự án.

2. Hội đồng gồm từ 9 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác. Thành phần của Hội đồng gồm:

- 2/3 là các chuyên gia có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học được giao tư vấn và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động gần đây trong chuyên ngành khoa học được giao tư vấn;

- 1/3 là đại diện của các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, Bộ, Ngành, Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả của đề tài, dự án thuộc Đề án;

Các chuyên gia, đặc biệt là các uỷ viên phản biện, đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án thuộc Đề án được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ tương ứng.

3. Cá nhân không tham gia Hội đồng trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân đăng ký chủ trì và tham gia thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án; trong trường hợp cần thiết, thành viên Hội đồng có thể là cán bộ đang công

tác tại tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án nhưng không quá 01 người và không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký hoặc chuyên gia phản biện;

c) Thành viên Ban Điều hành.

4. Ban Điều hành chủ trì, Tổ giúp việc phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ tổ chức các phiên họp Hội đồng tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án thuộc Đề án.

5. Hội đồng tổ chức họp thảo luận, đánh giá bằng bỏ phiếu chấm điểm; các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các chuyên gia phản biện, thành viên và thư ký Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, xét chọn.

Điều 12. Tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài thuộc Đề án

Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn được đánh giá theo 2 phần: Đánh giá thuyết minh của đề tài (Phần 1); Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện đề tài (Phần 2).

Phần 1: Đánh giá thuyết minh đề tài (tối đa 100 điểm), theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây:

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
<i>I. Đánh giá chung về mục tiêu của đề tài</i>	<u>10</u>
1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu so với yêu cầu đặt ra	5
2. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước để đặt ra mục tiêu.	5
<i>II. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra</i>	<u>20</u>
3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5
4. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu.	5

5. Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của đề tài để đạt được mục tiêu đề ra	5
6. Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của đề tài	5
<i>III. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng</i>	<u>15</u>
7. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5
8. Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra	5
9. Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng	5
<i>IV. Sản phẩm KHCN của Đề tài</i>	<u>20</u>
10. Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra	5
11. Mức độ làm rõ sản phẩm chính của đề tài	5
12. Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ khoa học công nghệ của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài	5
13. Tính khả thi của sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; của công trình dự kiến công bố trong nước và nước ngoài và của việc đào tạo sau đại học thông qua việc thực hiện đề tài	5
<i>V. Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu</i>	<u>15</u>
14. Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng, ... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại)	5
15. Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu và các địa chỉ dự kiến áp dụng	5
16. Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu	5
<i>VI. Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện đề tài</i>	<u>20</u>
17. Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp với các tổ chức trong nước và hợp tác quốc tế để thực hiện các nội dung nghiên cứu của đề tài	5
18. Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để thực hiện đề tài	5

19. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài; tính hợp lý trong việc bố trí kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	5
20. Đánh giá chung về tính logic, hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh đề tài	5
Tổng số	100

Phần 2 : Đánh giá năng lực của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài - Các tiêu chí khuyến khích (tối đa 14 điểm), theo 2 nhóm tiêu chí dưới đây:

Kết quả hoạt động KH&CN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài xét trong 5 năm gần đây (tối đa 8 điểm) :

Tiêu chí	Điểm tối đa
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (theo danh mục các tạp chí được Viện ISI công nhận)	2
2. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều giải pháp kỹ thuật, đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3
3. Có Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ	3

2. Đóng góp cho sản xuất và đời sống (về khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài), xét trong 5 năm gần đây (tối đa 6 điểm):

Tiêu chí	Điểm tối đa
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống (được cấp có thẩm quyền xác nhận, có địa chỉ ứng dụng cụ thể)	3
2. Chủ trì hoặc tham gia chính các Dự án thuộc Đề án thành công trên cơ sở triển khai kết quả nghiên cứu Đề tài KH&CN (có xác nhận của cơ quan quản lý KH&CN)	3

Điều 13. Tiêu chí đánh giá xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì dự án thuộc Đề án.

Hồ sơ xét chọn được đánh giá theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây (tối đa 100 điểm)

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
<i>I. Giá trị công nghệ của dự án</i>	<u>20</u>
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ là xuất xứ	5
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5
4. Tính hợp lý của quy mô dự án	5
<i>II. Tính khả thi của phương án triển khai dự án</i>	<u>20</u>
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	5
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	5
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...)	5
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện dự án	5
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án	5
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...)	5

<i>IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của dự án sau khi kết thúc</i>	<u>20</u>
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của dự án;	5
14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án	5
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (giá thành, chất lượng, ...)	5
16. Khả năng chuyên giao, nhân rộng kết quả của dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	5
<i>V. Năng lực thực hiện dự án</i>	<u>20</u>
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì dự án	5
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	5
19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực, ...)	5
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh dự án	5
Tổng cộng	100

Điều 14. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét, luận giải cho việc đánh giá và cho điểm theo các tiêu chí tại các biểu mẫu quy định và gửi Thư ký trước khi họp Hội đồng.

2. Hội đồng phân công 02 thành viên am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án thuộc Đề án làm phản biện nhận xét và đánh giá tất cả các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn theo các tiêu chí tại các biểu mẫu quy định. Khi cần thiết, Hội đồng kiến nghị với Ban Điều hành mời các chuyên gia ở ngoài Hội đồng có am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu đề tài, dự án làm phản biện nhận xét về toàn bộ hồ sơ và đánh giá các hồ sơ.

Thành viên Hội đồng và chuyên gia bên ngoài Hội đồng làm phản biện (sau đây gọi chung là chuyên gia phản biện).

3. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và phải có mặt đủ các chuyên gia phản biện.

4. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng. Hội đồng cử Thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến về chuyên môn của các thành viên và các kết luận của Hội đồng trong các biên bản làm việc và văn bản liên quan.

5. Các thành viên của Hội đồng chấm điểm độc lập theo các nhóm chỉ tiêu đánh giá và thang điểm quy định. Trước khi chấm điểm Hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm đối với từng tiêu chí.

Điều 15. Trình tự làm việc của Hội đồng

Hội đồng làm việc theo 2 kỳ họp

1. Kỳ họp thứ nhất: Hội đồng thống nhất phương thức làm việc

a) Thư ký hành chính đọc Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự;

b) Đại diện Ban Điều hành nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án của Quy chế này;

c) Đại diện Tổ giúp việc đọc Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn, thông báo số lượng và danh mục hồ sơ đủ điều kiện được Hội đồng đưa vào xem xét đánh giá;

d) Hội đồng thảo luận trao đổi để thống nhất nguyên tắc, quy trình và các tiêu chí đánh giá, thang điểm và cách chấm điểm các hồ sơ;

e) Các thành viên Hội đồng nhận hồ sơ và chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản theo các biểu mẫu tương ứng đối với đề tài, dự án thuộc Đề án;

f) Hội đồng thống nhất ngày họp tiếp theo để đánh giá tuyển chọn, xét chọn các hồ sơ;

2. Kỳ họp thứ hai: Hội đồng tiến hành đánh giá tuyển chọn, xét chọn hồ sơ

a) Trình bày ý kiến phản biện về nhận xét đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án;

- Các chuyên gia phản biện đánh giá, phân tích từng hồ sơ; nhận định chung về mặt mạnh, mặt yếu và so sánh các hồ sơ đăng ký tuyển chọn cùng một đề tài, dự án thuộc Đề án theo các tiêu chí quy định;

- Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các chuyên gia phản biện về từng tiêu chí đánh giá liên quan đến từng hồ sơ;

- Sau khi trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia phản biện không là thành viên Hội đồng không tiếp tục dự phiên họp đánh giá tuyển chọn, xét chọn của Hội đồng;

- Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng nghiên cứu, tham khảo;

b) Hội đồng thảo luận, đánh giá hồ sơ

- Hội đồng trao đổi, thảo luận từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá đã được quy định, nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và đánh giá so sánh giữa các hồ sơ tuyển chọn, xét chọn cho cùng một đề tài, dự án thuộc Đề án;

- Sau khi trao đổi các thành viên Hội đồng cho điểm độc lập theo các tiêu chí và thang điểm quy định;

c) Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên Hội đồng (trong đó bầu 01 Trưởng ban), Thư ký có trách nhiệm giúp Ban kiểm phiếu làm việc;

Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng Hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu thực hiện theo đúng chỉ dẫn ghi trên phiếu;

d) Tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn, xét chọn

- Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu;

- Hội đồng xếp hạng các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá từ cao xuống thấp với các điều kiện sau đây:

+ Đối với đề tài thuộc Đề án:

Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí trong Phần I đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm và phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên. Hội đồng xếp hạng các Hồ sơ đăng ký có tổng số điểm đánh giá của Phần I và Phần II từ cao xuống thấp;

Đối với các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá của Phần I và Phần II bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng;

Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn;

+ Đối với dự án thuộc Đề án:

Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí phải đạt từ 65/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm và phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên;

Đối với các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng;

Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn;

e) Hội đồng thông qua Biên bản về kết quả làm việc, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án:

- Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với điểm cao nhất;

- Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết đối với từng phần đã nêu trong thuyết minh đề tài, dự án; về kinh phí cho việc thực hiện đề tài, dự án hoặc nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển;

- Hội đồng chịu trách nhiệm về việc tư vấn, xét chọn của mình;

- Trong trường hợp chỉ có 01 hồ sơ tham gia tuyển chọn chủ trì 01 đề tài, dự án thuộc Đề án, Hội đồng vẫn tổ chức đánh giá theo các tiêu chuẩn và quy trình nêu trong Quy chế này;

- Hội đồng xây dựng biên bản làm việc gửi Ban Điều hành, Vụ Khoa học và Công nghệ.

3. Lưu giữ hồ sơ gốc

Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, xét chọn, thư ký hành chính của Hội đồng, đại diện Tổ giúp việc có trách nhiệm tổng hợp tài liệu và nộp bộ hồ sơ gốc (kể cả hồ sơ trúng tuyển và không trúng tuyển) để Vụ Khoa học và Công nghệ và Tổ giúp việc lưu.

CHƯƠNG IV

PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

Điều 16. Phê duyệt, thông báo kết quả tuyển chọn, xét chọn

1. Vụ Khoa học và Công nghệ và Tổ giúp việc tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng và có ý kiến nhận xét cụ thể đối với hồ sơ được đề nghị trúng tuyển của từng đề tài, dự án thuộc Đề án (đồng ý hoặc không đồng ý, nêu rõ lý

do và đề xuất biện pháp xử lý) đề trình Bộ trưởng - Trưởng ban điều hành phê duyệt danh mục các đề tài, dự án trúng tuyển của Đề án.

2. Kết quả tuyển chọn, xét chọn sau khi phê duyệt được thông báo đến các cơ quan chủ quản và tổ chức, cá nhân trúng tuyển; thông tin trúng tuyển được công bố trên Báo Công Thương và trang Web của Bộ Công Thương.

3. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn và gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ và Tổ giúp việc trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn để Vụ Khoa học và Công nghệ, Tổ giúp việc xem xét, trình Bộ trưởng - Trưởng Ban Điều hành phê duyệt.

4. Tổ giúp việc phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Tài chính tổng hợp trình Bộ trưởng - Trưởng Ban Điều hành phê duyệt tổng mức kinh phí thực hiện đề tài, dự án thuộc đề án.

5. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân trúng tuyển từ chối thực hiện đề tài, dự án thì tổ chức, cá nhân có hồ sơ đạt tổng số điểm trung bình tiếp theo sẽ được thay thế nhưng vẫn phải đảm bảo đạt điểm theo quy định tại Quy chế này.

6. Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng-Trưởng Ban Điều hành là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân trúng tuyển và cấp kinh phí triển khai thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án.

Điều 17. Quản lý hồ sơ tuyển chọn

Thành viên Hội đồng và các tổ chức, cá nhân liên quan phải tuân thủ các quy định về quy trình tuyển chọn, giữ bí mật các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, tuyển chọn tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án;

Việc lưu giữ các hồ sơ và tài liệu liên quan đến quá trình đánh giá, tuyển chọn được thực hiện theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ VI PHẠM TRONG TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

Điều 18. Xử lý vi phạm trong tuyển chọn, xét chọn

1. Cán bộ công chức, viên chức (kể cả cán bộ hợp đồng), thành viên Ban Điều hành, Tổ giúp việc vi phạm các quy định về tuyển chọn, xét chọn sẽ bị xử lý theo các quy định của Pháp lệnh công chức, viên chức và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, xét chọn kê khai thông tin không trung thực trong Hồ sơ làm sai lệch kết quả đánh giá thì kết quả tuyển

chọn, xét chọn bị huỷ bỏ và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn đánh giá thiếu khách quan, công bằng, trung thực, vi phạm nguyên tắc giữ bí mật của thông tin thì không được mời tham gia các Hội đồng KH&CN và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án thuộc Đề án.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án thuộc Đề án.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

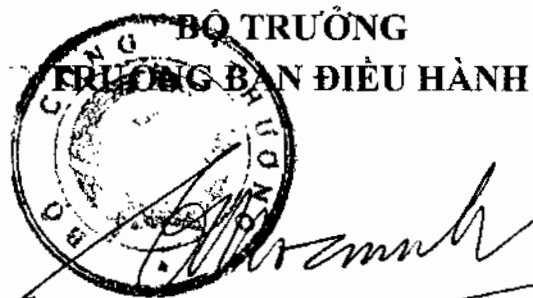
CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Khoa học và Công nghệ, Tổ giúp việc hàng năm có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia đề xuất đề tài, dự án và đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế này.

2. Các thành viên Ban Điều hành, Vụ Khoa học và Công nghệ, Tổ giúp việc và các cộng tác viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Vụ Khoa học và Công nghệ, Tổ giúp việc để tổng hợp trình Bộ trưởng - Trưởng Ban Điều hành quyết định việc sửa đổi, bổ sung./.



Vũ Huy Hoàng